

ĐẶC ĐIỂM TÍNH TỪ CHỈ LƯỢNG TRONG TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU

Characteristic of the quantitative adjectives

used by Nguyen Du in Kieu

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

(ThS; Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa)

Abstract: *Kieu* – a poetry romance by the Great Vietnamese poet Nguyen Du - is really a masterpiece mentioning the pinnacle of the art in language use. Among 89/3254 lines of verse, the poet uses 8 quantitative adjectives classified into groups. Each of the groups has two antonym words: *high - low, long - short, wide-narrow, deep - shallow*. The word “*high*” is most frequently used and the word “*shallow*” is used only once in one line of the poetry. Except the case of two adjectives “*high*” and “*wide*”, which are used with original meaning to point out measure of people, things, and show typical features of quantitative adjectives in Vietnamese, in *Kieu* they are used with convertible meanings associated with words in different meaning fields to describe different significances. Nguyen Du’s skillful and artful use of these adjectives best expresses the social moral ideology of *Kieu*.

Keywords: quantitative adjectives, art, language use, poetry, verse,...

1. Tính từ là từ loại có số lượng lớn và có đặc điểm hết sức phức tạp. Nó có vai trò và vị trí quan trọng trong hệ thống từ loại nên luôn thu hút sự chú ý đặc biệt của các nhà nghiên cứu. Trong tiếng Việt, tính từ được chia thành nhiều tiểu loại dựa trên những căn cứ khác nhau. Theo tác giả cuốn “*Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt*”: Nếu căn cứ vào ý nghĩa khái quát của các tiểu phạm trù, tính từ có hai loại. Đó là tính từ biểu thị các đặc điểm về chất và tính từ chỉ đặc điểm về lượng. “*Tính từ chỉ đặc điểm về lượng có thể “lượng hoá” (nhờ một thành tố phụ có số từ chính xác đi sau) gồm: cao, thấp, rộng, hẹp, dài, ngắn, nông, sâu, dày, mỏng, xa, gần...*” (3.Tr 43)

Khi nói đến đỉnh cao của nghệ thuật ngôn từ, Truyện Kiều của đại thi hào Nguyễn Du được coi là một kiệt tác. Đây thực sự là một kho từ ngữ thuộc đủ mọi từ loại. Các lớp từ loại phong phú và đa dạng đã khẳng định giá trị nghệ thuật ngôn từ của tiếng Việt nói chung và nghệ thuật sử dụng ngôn từ của nhà thơ nói riêng. Tuy nhiên ở bài viết

này, chúng tôi không tham vọng đi vào tất cả các tính từ chỉ lượng của tiếng Việt mà chỉ giới hạn 8 tính từ: *cao, thấp, nông, sâu, ngắn, dài, rộng, hẹp*; từ đó làm rõ những đặc điểm về khả năng kết hợp và ý nghĩa của chúng trong Truyện Kiều.

2. Theo thống kê của chúng tôi, trong 3254 câu thơ trong tác phẩm chỉ có 89 câu dùng các tính từ chỉ lượng như: *cao, thấp, nông, sâu, ngắn, dài, rộng, hẹp*. Với số lượng không lớn nhưng những khả năng kết hợp cũng như nghệ thuật sử dụng ngôn từ theo nghĩa chuyển của chúng trong tác phẩm văn chương lại là điều cần bàn tới.

2.1 Trong tổng số 8 từ với 89 lần sử dụng, các tính từ chỉ lượng trong Truyện Kiều tạo thành 4 nhóm. Mỗi nhóm có 2 từ trái nghĩa nhau: *cao/ thấp, dài/ ngắn, rộng/ hẹp, sâu/ nông*. Trong mỗi nhóm từ đi trước tiêu biểu hơn được dùng nhiều hơn và với tần số cao hơn từ đi sau.

Chẳng hạn, cặp tính từ *cao/thấp* được sử dụng 3 lần trong Truyện Kiều:

(1128) *Dậm rừng bước thấp bước cao hải hùng.*

Câu thơ miêu tả cảnh đêm khuya thanh vắng khiến Thúy Kiều vô cùng lo sợ khi nhẹ dạ nghe lời ngon ngọt của chàng Sở bỏ trốn và bị lừa bỏ lại nàng một mình.

Cũng có khi diễn tả tâm sự giải bày của Thúy Kiều khi gặp lại Thúc Sinh khi ở lầu xanh sau cuộc đánh ghen của Hoạn Thư:

(1817) *Bây giờ đất thấp trời cao.*

Và ngay cả khi diễn tả tình tiết Hồ Tôn Hiến ép duyên Thúy Kiều đưa nàng xuống thuyền lấy thô quan:

(2602) *Lá màn rủ thấp ngọn đèn khêu cao*

Hay cặp tính từ *dài/ngắn* cũng được sử dụng 5 lần diễn tả tâm trạng buồn rầu, khổ đau thấm đầy nước mắt, sự than thân trách phận Thúy Kiều trong quãng đời lưu lạc từ khi từ biệt cha mẹ bán mình theo Mã Giám Sinh làm tròn chữ hiếu đến khi nên nghĩa vợ chồng cùng Thúc Sinh. Tất cả đối lập với quy luật đối thay của thời gian như ở các câu thơ sau:

(684) *Nhìn nhau giọt ngấn giọt dài ngấn ngang*

(1328) *Ngán ngày thôi chớ dài lời làm chi.*

(1369) *Nỉ non đêm ngấn tình dài*

(1503) *Cầm tay dài ngấn thờ than*

(1796) *Sầu dài ngày ngấn đông đà sang xuân*

Trong tổng số 8 tính từ, từ “cao” là từ được dùng với tần số cao nhất (25/89 lần chiếm 28%). Từ “*nông*” được dùng duy nhất một lần trong một câu thơ (78).

2.2 Cũng như trong ngôn ngữ đời thường, trong Truyện Kiều, các tính từ chỉ lượng được sử dụng theo nghĩa gốc. Đó là nghĩa chỉ đặc điểm kích thước của người và vật. Theo thống kê của chúng tôi, trong Truyện Kiều với 89 lần sử dụng chỉ duy nhất có 2 trường hợp từ *cao* và *rộng* dùng với nghĩa gốc ở 2 câu thơ:

(2168) *Vai năm thước rộng thân mười thước cao.*

(2234) *Cò cao hơn thước liễu gãy vài phân.*

Trong trường hợp này, từ *cao* 2 lần sử dụng. Nó kết hợp với danh từ *thân*, *cỏ* và với thành tố phụ có số từ chính xác *10 thước*, *hơn thước*. Từ *rộng* kết hợp với danh từ *vai* và một thành tố phụ có số từ chính xác *năm thước* miêu tả vóc dáng cao lớn, oai phong của Từ Hải khi gặp Thúy Kiều

và sự thay đổi của cỏ cây trong vườn khi Thúy Kiều chờ đợi Từ Hải ra trận trở về.

Như vậy, trong Truyện Kiều, các tính từ chỉ lượng được sử dụng trước hết với nghĩa gốc. Khi đó về mặt kết hợp, chúng mang những đặc điểm điển hình của tính từ chỉ lượng trong tiếng Việt - kết hợp với từ chỉ sự vật có kích thước và một thành tố phụ chỉ lượng có số từ chính xác.

2.3 Ngoài 2 câu thơ trên, 8 tính từ chỉ lượng trong Truyện Kiều đều được dùng với nghĩa chuyển theo phép ẩn dụ và hoán dụ. Khi đó, các tính từ không mang đặc điểm kết hợp điển hình của tính từ chỉ lượng không có những thành tố phụ chỉ số lượng chính xác mà có một bối cảnh kết hợp hoàn toàn khác. Đó là sự kết hợp với các từ ngữ thuộc các trường nghĩa khác nhau diễn tả những sắc thái ý nghĩa khác nhau.

2.3.1. Nghĩa chuyển thứ nhất, các tính từ được dùng với nghĩa chỉ kích thước không gian nên các từ có thể kết hợp với động từ: *chạy*, *bay*, *mở*...

- Từ *cao* 2 lần kết hợp với từ *bay* (*cao bay*, *bay cao*) và 1 lần với từ *chạy* (*cao chạy*) diễn tả không gian rộng lớn, mặt mừng không bên bờ khi Thúy Kiều bỏ trốn thoát thân sau khi chia tay với Thúc Sinh:

(1971) *Liệu mà cao chạy xa bay*

(2017) *Ví chẳng chấp cánh cao bay*

(2150) *Chim lông khôn lẽ cất mình bay cao.*

- Hay từ *rộng* kết hợp với từ *mở* diễn tả con đường công danh thẳng tiến rộng mở của Kim Trọng khi đỗ đạt:

(2861) *Cửa trời rộng mở đường mây.*

- Cũng có khi một lần duy nhất trong Truyện Kiều, từ *nông* kết hợp với động từ *vùi* diễn tả kích thước nấm mồ trong câu thơ:

(78) *Vùi nông một nấm mặc dầu cỏ hoa.*

Trong tết thanh minh, Thúy Kiều vô tình hay đó như là sự dự báo số phận của nàng Kiều khi gặp ngôi mộ của Đạm Tiên. Khoảng cách chôn vùi nông cạn cũng như sự sơ sài, hoang vắng không người viếng thăm của nấm mồ vô chủ khiến Thúy Kiều cảm thương thân phận của người con gái tài hoa bạc mệnh. Đây là lần duy nhất từ *nông* xuất hiện trong Truyện Kiều.

- Và 3 lần từ *sâu* được sử dụng khi kết hợp với các từ *bể, vực, giếng, (bể sâu, vực sâu, giếng sâu)* diễn tả không gian sâu rộng vô bờ bến tiêu biểu như câu thơ miêu tả tình tiết khi Kim Trọng biết tin về Thúy Kiều nhưng không biết tìm nàng ở đâu:

(2943) Nghĩ điều trời thăm vực *sâu*.

2.3.2. Nghĩa chuyển thứ hai, các tính từ chuyển sang chỉ lượng thời gian tức chuyển sang trường nghĩa thời gian và khi đó sự kết hợp với các từ: *ngày, canh, đêm... là một dấu hiệu.*

Từ *dài* và *ngắn* 3 lần kết hợp với *ngày, đêm (ngắn ngày, ngày ngắn, đêm ngắn)* diễn tả thời gian trong các câu thơ: 1328, 1369, 1796 (đã nêu trên). Các câu thơ đều diễn tả lượng thời gian quá ít đối lập với nỗi lòng trĩu nặng đầy tâm trạng của Thúy Kiều khi thề non hẹn biển với Thúc Sinh ở Lầu Ngưng Bích, khi bị Khuyển Ưng bán lại vào lầu xanh.

Đặc biệt một lần cũng là từ *ngắn* kết hợp với từ *ngày* chỉ thời gian nhưng tâm trạng Thúy Kiều hoàn toàn khác:

(425) Ngày vui *ngắn* chẳng đầy gang.

Câu thơ miêu tả tình tiết Thúy Kiều gặp Kim Trọng và tri kỉ cùng nhau. Đây có lẽ là câu thơ rất hiếm trong Truyện Kiều nói đến tâm trạng vui mừng và hạnh phúc trong cuộc đời nàng Kiều. Thời gian một ngày đối với người đang yêu như Thúy Kiều lại trôi đi quá nhanh khiến Thúy Kiều khi ra về đã muộn nhưng vẫn còn nuối tiếc nên đã quay lại giao ước, thề nguyện cùng Kim Trọng.

Đồng thời 2 lần từ *dài* kết hợp với từ *canh (canh dài)* trong 2 câu thơ (1266 và 1872) và 2 lần kết hợp với phụ từ *còn* cùng cụm từ *ngày xuân* miêu tả thời gian tuổi xuân của nàng Kiều:

(731) Ngày xuân em hãy còn *dài*

(1006) Hoa xuân đương nhị ngày xuân còn *dài*

Bên cạnh đó, từ *cao* còn được dùng để chỉ tuổi cũng là chỉ thời gian trôi đi của một đời người khi kết hợp với *tuổi* và phụ từ *càng* trong duy nhất một câu thơ:

(673) Cõi xuân tuổi hạc càng *cao*

Câu thơ diễn tả nỗi lòng thương cha của Thúy Kiều khi nghĩ đến tuổi tác cùng với sức nặng gánh

vác gia đình của cha mình nên quyết định bán mình lấy tiền chuộc cha làm tròn chữ hiếu.

2.3.3 Nghĩa chuyển thứ ba, các tính từ chuyển sang chỉ đặc điểm tâm lí tình cảm của con người – một sự chuyển di khá xa và khác biệt về bản chất (từ phạm trù vật chất sang phạm trù tinh thần). Khi đó, chúng kết hợp với các từ thuộc trường nghĩa tình cảm. Đây là nghĩa chuyển phong phú nhất và chiếm ưu thế với số lượng lớn nhất. Chúng tôi thống kê được 17 câu thơ trong Truyện Kiều có sự chuyển đổi như thế. Trong 8 tính từ, duy nhất từ *nông* không được dùng theo nghĩa này còn lại các từ đều dùng với tần số cao. Đó là miêu tả tình nghĩa vợ chồng sâu như *bể dài* như sông của Thúc Sinh và Thúy Kiều ở lầu Ngưng Bích. Trong trường hợp này, từ *dài, sâu* kết hợp với từ *tình, sâu (dài tình, tình sâu, sâu dài)*:

(1382) Càng sâu nghĩa bể càng *dài* tình sông.

Hay tình cảm sâu sắc khi nhớ tới mối tình với chàng Kim của Thúy Kiều mong trả nghĩa ân tình mà nàng đã nợ chàng Kim:

(1263) Tình *sâu* mong trả nghĩa dày

Hoặc là nỗi buồn rầu triền miên kéo dài cũng như sự vô vọng gặp lại cố nhân của Thúy Kiều trong khi đó thời gian trôi đi quá nhanh đã được một năm hết đông sang xuân khi bị lừa trở lại lầu xanh:

(1796) Sầu *dài* ngày *ngắn* đông đà sang xuân

Duy nhất 2 lần trong Truyện Kiều, tính từ *rộng* kết hợp với *thương* khi diễn tả tình tiết Thúy Kiều mong nhận sự rộng lòng thương của anh hùng Từ Hải và tên quan tổng đốc Hồ Tôn Hiến đến thân phận yếu đuối, hèn mọn của mình:

(2197) *Rộng* thương cô nội hoa hèn

(2585) *Rộng* thương còn mảnh hồng quân

Bên cạnh đó, các từ còn kết hợp với *nghĩa, ơn* diễn tả tấm lòng biết ơn sinh thành của Thúy Kiều đối với cha mẹ và tình nghĩa vợ chồng với Thúc Sinh:

(1253) Nhớ ơn chín chữ *cao sâu* (Ơn nghĩa sinh thành và nuôi dưỡng của cha mẹ đối với Thúy Kiều cao như núi, sâu như biển)

(1966) Ấy là tình nặng ấy là ơn *sâu* (Tình cảm Thúy Kiều Với Thúc Sinh ở lầu Ngưng Bích)

Đặc biệt sự kết hợp với các từ *lời, thờ than, giọt* ... diễn tả trạng thái tình cảm buồn tủi, khổ than và đau khổ đầy nước mắt của Thúy Kiều khi nghĩ về thân phận và cuộc đời của mình ở các câu thơ: 104, 684, 1328, 1840, 1503, 3130 (đã nêu ở trên).

Qua các ví dụ trên, với cách dùng này, các tính từ được mở rộng nghĩa vượt khỏi giới hạn chỉ đặc điểm kích thước của người và vật chuyển sang diễn tả cung bậc tình cảm, đời sống tinh thần, đời sống nội tâm bên trong của con người. Khi đó, các tính từ không kết hợp với các phụ từ chỉ lượng hoặc các từ thuộc trường nghĩa khác mà kết hợp với các từ thuộc trường tình cảm như: *tình, sâu, thương, thờ than, ơn, nghĩa*

2.3.4. Cuối cùng, các tính từ chỉ lượng trong Truyện Kiều được dùng với nghĩa chuyển chỉ đặc điểm trí tuệ khi đó chúng kết hợp với các từ thuộc trường nghĩa trí tuệ, hiểu biết.

Trong 8 tính từ chỉ có 3 từ *cao, thấp, sâu* sử dụng nghĩa này còn lại các từ khác không thấy xuất hiện.

(1947) *Thấp* cơ thua trí đàn bà

Ở đây, từ *thấp* kết hợp với *cơ* chỉ cơ mưu kém cỏi của Thúc Sinh, không bằng mưu trí của Hoạn Thư khi Thúc Sinh giải bày cùng Thúy Kiều.

Từ *cao* kết hợp với từ *chí* ca ngợi ý chí cao thượng của Thúy Kiều trong suốt 15 năm lưu lạc đầy gian truân và khổ nhục “thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần”:

(3219) Cho hay thực nữ chí *cao*

Cũng có khi từ *cao* và *sâu* kết hợp với *muru, ý* (*ý cao, muru cao, muru sâu*) diễn tả ý chí cũng như muru meo, lòng dạ hiểm ác của con người:

(495) Lời vàng vâng lĩnh *ý cao* (Thúy Kiều và Thúc Sinh trò chuyện tri kỉ cùng nhau dưới sân đào)

(1612) *Muru cao* vốn đã rắp ranh những ngày (Muru hay của Khuyển Ưng đối với Thúy Kiều khiến nàng không nghĩ đến cuối cùng bị bán vào lầu xanh lần nữa).

(2336) *Muru sâu* cũng trả nghĩa sâu cho vừa (Muru meo thâm hiểm của Hoạn Thư đối với

Thúy Kiều nay đã được nàng trả oán cho vợ chồng Thúc Sinh).

Như thế trong Truyện Kiều, các tính từ chỉ lượng khi sử dụng ngoài nghĩa gốc chủ yếu được dùng chuyển sang nghĩa khác, đặc biệt là chuyển sang biểu hiện đặc điểm tâm lí, tình cảm của các nhân vật và đời sống xã hội trong tác phẩm.

3. Nói tóm lại, trong 8 tính từ chỉ lượng được sử dụng trong Truyện Kiều, từ “*cao*” được sử dụng với tần số cao nhất (25 lần chiếm 28%) còn từ “*nông*” dùng duy nhất 1 lần trong 1 câu thơ. Chúng tạo thành 4 cặp, mỗi cặp 2 từ trái nghĩa nhau như: *cao/ thấp, dài ngắn, sâu/ nông, rộng/ hẹp*. Trong đó, cặp *dài / ngắn, cao/ thấp* lặp lại nhiều lần ở thể tương phản tạo sự đối lập trong câu thơ. Bên cạnh đó, 3 lần từ “*cao*” và “*rộng*” dùng theo nghĩa gốc chỉ lượng với kết hợp điển hình còn lại đều sử dụng linh hoạt theo nghĩa chuyển kết hợp với các từ thuộc các trường nghĩa khác nhau để chỉ đặc điểm không gian, chỉ lượng thời gian, chỉ đặc điểm về trí tuệ nhưng chủ yếu chỉ đặc điểm tâm lí, những cung bậc tình cảm, thế giới nội tâm muôn màu muôn vẻ của đời sống tinh thần con người. Tất cả đều khẳng định giá trị biểu đạt của tính từ tiếng Việt cũng như nghệ thuật sử dụng ngôn từ khéo léo và tài tình của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du trong việc thể hiện tư tưởng nghệ thuật của Truyện Kiều.

Tài liệu tham khảo

1. Đào Duy Anh (2007), *Từ điển Truyện Kiều*, NXB Phụ nữ.
2. Nguyễn Thị Nhung (2010), *Định tổ tính từ trong tiếng Việt*, NXB KHXH, H.
3. Hoàng Kim Ngọc (Chủ biên), Hoàng Trọng Phiến (2011), *Ngôn ngữ văn chương*, NXB ĐHQG, H.
4. Bùi Minh Toán (2012), *Ngôn ngữ với văn chương*, NXB Giáo dục.
5. Bùi Minh Toán (2010), *Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt*, NXB ĐHSP.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 04-07-2013)